

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNST

Ngày: 11/5/2022

Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Bà Phạm Thị Kim Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 132/2022/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981

Địa chỉ: 16/6, Đình Bộ Lĩnh, phường 8, thành phố M, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 386 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1944

Địa chỉ: 386 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh B

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1958

Địa chỉ: 386 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B. Quá trình chung sống không có hạnh phúc do vợ chồng

có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 31/8/2008 và Nguyễn Ngọc Như K2, sinh ngày 31/10/2019, các con đang sống chung với ông bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng là 12.000.000 đồng. Bà không có tranh chấp về tài sản chung. Bà và ông T không có nợ chung.

Theo đơn khởi kiện(phản tố), các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn. Nay ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Ông thống nhất với bà H về con chung, ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Anh K1, cháu Nguyễn Ngọc Như K2 bà H nuôi, ông cấp dưỡng nuôi cháu Như K2 mỗi tháng 1.500.000 đồng, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng cháu Anh K1. Trường hợp bà H được quyền nuôi 02 con, ông đồng ý cấp dưỡng các con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông và bà H có tài sản chung là 01 căn nhà tường xây dựng trên thửa đất số 820, tờ bản đồ số 14 tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre. Đối với thửa đất số 820, tờ bản đồ số 14 tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre hiện nay do vợ chồng ông đứng tên, đây là tài sản riêng của ông. Trước đây ông có yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản này nhưng nay ông xin rút yêu cầu không tranh chấp về tài sản.

Tại biên bản lời khai ngày 24/5/2021 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Văn Châm trình bày:

Ông là cha ruột của ông T, là cha chồng của bà H, ông có nghe vợ chồng mâu thuẫn liên quan đến giấy tờ đất đai. Về việc ly hôn của hai vợ chồng ông không có ý kiến. Riêng thửa đất số 820, tờ số 14 có nguồn gốc là của vợ chồng ông cho con là Nguyễn Văn T vào năm 2011. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án giữa ông T với bà H. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C vắng mặt.

Tại biên bản lời khai ngày 24/5/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn C

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T. Giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Anh K1, cháu Nguyễn Ngọc Như K2 cho bà H nuôi, ông T cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 cháu. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu chia đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 820, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.923,2 m² tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Về nợ chung: Bà H ông T không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Thu H có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T, ông T có nơi cư trú tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C vắng mặt (đã được tổng đạt hợp lệ), do ông Nguyễn Văn T đã rút yêu cầu tranh chấp về tài sản nên vụ việc không còn liên quan đến ông C, do đó việc ông C vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt bà theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà H có yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý nên công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Bà H ông T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 31/8/2008 và Nguyễn Ngọc Như K2, sinh ngày 31/10/2019, hiện đang sống với bà H ông T. Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung, ông T có yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Anh K1. Xét thấy, thực tế các cháu Anh K1 và Như K2 vẫn sống chung nhà với bà H ông T (bà H là người trực tiếp chăm sóc), các cháu đang có cuộc sống ổn định nên việc bà H yêu cầu nuôi 02 cháu Anh K1 (có nguyện vọng sống với bà H) và Như K2 là có căn cứ nên giao cho bà H trực tiếp nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng 02 cháu Anh K1 và Như K2 mỗi tháng 12.000.000 đồng (6.000.000 đồng/cháu). Ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng với mức 3.000.000 đồng/02 cháu. Xét thấy, theo lời trình bày của ông T thì ông là lao động tự do, thu nhập chỉ từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng nhưng không ổn định, bà H cho rằng thu nhập của ông T là trên 20.000.000 đồng/tháng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh, mặc khác bà H cho rằng thu nhập của bà hàng tháng trên 20.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con. Do đó, không có căn cứ để buộc ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 12.000.000 đồng, ông T có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không có tranh chấp tài sản chung, ông T có yêu cầu giải quyết tài sản chung là nhà đất thuộc thửa 820, tờ bản đồ số 14 tọa lạc xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre do ông T bà H đứng tên quyền sử dụng đất. Trước khi mở phiên tòa ông T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa ông T vẫn giữ yêu cầu này, ông sẽ yêu cầu giải quyết sau, việc ông T rút yêu cầu khởi kiện được bà H đồng ý. Xét yêu cầu của ông T là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông, ông có quyền khởi kiện giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

[6] Về nợ chung: Bà H ông T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí thu thập chứng cứ là 4.423.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai ba nghìn đồng), ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu nhưng do ông đã nộp tạm ứng trước nên không phải nộp thêm.

[8] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.
- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng
- Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Ngọc Anh K1, sinh ngày 31/8/2008 và Nguyễn Ngọc Như K2, sinh ngày 31/10/2019, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng 02 cháu Anh K1 và Như K2 mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này một hoặc hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện (phản tố) của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu chia tài sản chung là đất và tài sản trên đất thuộc thửa 820 tờ bản đồ số 14 tại xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí thu thập chứng cứ là 4.423.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm hai ba nghìn đồng), ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu nhưng do ông đã nộp tạm ứng trước nên không phải nộp thêm.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị H T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0005287 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre (Bà H đã nộp đủ án phí).

- Án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng) là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Văn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.087.000 (Chín triệu không trăm tám bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0005430 ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông T được nhận lại số tiền chênh lệch là 8.787.000 (Tám triệu bảy trăm tám bảy nghìn) đồng theo biên lai nêu trên.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre;
- UBND xã Sơn Đông
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn T Thuở